

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/DS-ST

Ngày: 13/9/2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Khel
2. Ông Huỳnh Phước

T ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Anh K, sinh năm 1996, (có mặt)

Địa chỉ: đường K, khóm 2, phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Tạ Nguyễn Anh T, sinh năm 1996, (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Anh K trình bày:

Bà Tạ Nguyễn Anh T có giữ của ông số tiền 76.978.000 đồng trong thời gian cả hai có quan hệ tình cảm với nhau. Thời gian từ năm 2016 đến năm 2021 mỗi lần ông đưa ít nhất là 5.000.000 đồng nhiều nhất là 10.000.000 đồng (số tiền và thời gian cụ thể thì ông không nhớ). Khi đưa tiền cho bà T thì không có làm biên nhận hay giấy tờ gì cũng không có ai chứng kiến. Thỏa thuận là ông đưa tiền cho bà T giữ gìn, khi nào cần tiền thì bà T sẽ đưa lại cho ông.

Sau khi chia tay thì bà T có làm giấy giữ tiền và ký tên. Khi viết xong giấy giữ tiền thì bà T giữ biên nhận còn ông chỉ chụp hình lại giấy giữ tiền chứ không có giữ biên nhận giấy tờ gì nên ông không thể cung cấp giấy giữ tiền hay biên nhận cho Tòa án. Trong giấy giữ tiền ngoài ông và bà T ký tên thì còn có ông Trần Bình Khiêm ký tên người làm chứng (theo ông biết ông K là cha nuôi của bà T, còn địa chỉ cư trú của ông K ở đâu thì ông không biết).

Trong giấy giữ tiền bà T có ghi mỗi tháng sẽ trả cho ông số tiền là 3.000.000 đồng vào ngày 20 mỗi tháng bắt đầu vào ngày 20/11/2021, và khi nào có tiền Tổng tết thì bà T sẽ trích 50% số tiền Tổng đó để trả cho ông. Nhưng sau hai tháng thì bà T vẫn chưa thực hiện đúng như thỏa thuận ghi trong giấy biên nhận.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Tạ Nguyễn Anh T trả cho ông K số tiền 76.978.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn bà Tạ Nguyễn Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, T ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn bà Tạ Nguyễn Anh T đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Anh K yêu cầu bị đơn bà Tạ Nguyễn Anh T trả lại cho ông số tiền mà bà T đang giữ của ông. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng gửi giữ tài sản quy định tại Điều 544 Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Sóc Trăng nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Tạ Nguyễn Anh T, xét thấy bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vắng mặt bà T.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 76.978.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì nguyên đơn căn cứ vào *Giấy giữ tiền* (bản in màu chụp từ điện thoại) với nội dung ông K có đưa cho bà T giữ số tiền 76.978.000 đồng; Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự thì: *“Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”*. Như vậy, *“Giấy giữ tiền”* mà ông K cung cấp cho Tòa án không được xem là chứng cứ.

Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ông K thừa nhận ngoài tài liệu là *“Giấy giữ tiền”* (bản in màu chụp từ điện thoại) thì ông không có tài liệu, chứng cứ gì khác và cũng không có người làm chứng về việc ông giao cho bà T giữ số tiền 76.978.000 đồng.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”* và quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”*

Do, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh bị đơn đang giữ số tiền 76.978.000 đồng của nguyên đơn. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền 76.978.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 95, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 544 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Anh K về việc yêu cầu bị đơn bà Tạ Nguyễn Anh T trả số tiền 76.978.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.848.900 đồng. Sau khi cân trừ số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp là 1.924.000 đồng theo biên lai số 0000402 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng ông K phải nộp thêm số tiền 1.924.900 đồng.

- Bị đơn bà Tạ Nguyễn Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Phước Tài